

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN

Số: 09/2015/TT-
BNNPTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 3 tháng 3 năm 2015

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTG
ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ
nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn tiêu chuẩn chất lượng liệu tinh, con giống (lợn, trâu, bò đực giống và gà, vịt, ngan giống bố mẹ hậu bị) và định mức vật tư phối giống nhân tạo trâu, bò; hướng dẫn quy trình, kỹ thuật chăn nuôi an toàn và xử lý môi trường; chỉ định các đơn vị có đủ năng lực đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi lợn, trâu, bò, gia cầm; người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (bao gồm trâu, bò, lợn); Tổ chức được chỉ định đủ điều kiện đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh giống vật nuôi trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Thông tư này không áp dụng đối với hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tiêu chuẩn chất lượng liệu tinh

1. Tinh lợn

- a) Thể tích một liệu tinh: Không nhỏ hơn 30ml để phối cho nái nội; không nhỏ hơn 50ml để phối cho nái lai và không nhỏ hơn 80ml để phối cho nái ngoại.
- b) Số lượng tinh trùng trong một liệu tinh: Phối cho nái nội không dưới 1,0 tỷ; phối cho nái lai không dưới 1,5 tỷ và phối cho nái ngoại không dưới 2,0 tỷ.
- c) Hoạt lực tinh trùng: Không nhỏ hơn 70%.
- d) Có đầy đủ thông tin về giống lợn, số hiệu lợn đực, ngày sản xuất, hạn sử dụng, tên đơn vị sản xuất; thể tích liệu tinh; số lượng tinh trùng và hoạt lực tinh trùng của liệu tinh.

2. Tinh trâu, bò

Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tinh đông lạnh theo Tiêu chuẩn Quốc gia: Tinh bò sữa, bò thịt - Đánh giá chất lượng TCVN 8925:2012.

Trường hợp sử dụng tinh phân ly giới tính, các chỉ tiêu kỹ thuật phải đảm bảo theo công bố của nhà sản xuất.

Điều 4. Tiêu chuẩn chất lượng con giống

1. Lợn đực giống

- a) Được sản xuất từ cơ sở giống lợn đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh Giống vật nuôi; chất lượng đạt Tiêu chuẩn cơ sở công bố theo quy định hiện hành;

b) Có đầy đủ thông tin về tên giống, ngày tháng năm sinh và số hiệu của cá thể; tên giống và số hiệu bố, mẹ; tên giống và số hiệu ông, bà.

2. Trâu, bò đực giống

a) Được sản xuất từ cơ sở giống trâu, bò đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh Giống vật nuôi; chất lượng đạt Tiêu chuẩn cơ sở công bố theo quy định hiện hành;

Trường hợp tuyển chọn trong sản xuất phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp huyện đánh giá chất lượng và tuyển chọn đảm bảo yêu cầu của địa phương.

b) Có đầy đủ thông tin về tên giống, ngày tháng năm sinh và số hiệu cá thể; tên giống và số hiệu bố, mẹ; tên giống và số hiệu ông, bà;

Trường hợp tuyển chọn trong sản xuất phải có đầy đủ thông tin về tên giống, tháng tuổi và số hiệu cá thể (sau khi tuyển chọn).

3. Gà, vịt và ngan giống bố mẹ hậu bị (trên 8 tuần tuổi)

a) Được sản xuất từ cơ sở giống gia cầm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh Giống vật nuôi; chất lượng đạt Tiêu chuẩn cơ sở công bố theo quy định hiện hành;

b) Có đầy đủ thông tin về tên dòng, giống ông bà tạo ra đàn bố mẹ này.

Điều 5. Định mức vật tư phối giống nhân tạo trâu, bò

1. Ni tơ lỏng

a) Dùng để bảo quản tinh ở các điểm trung chuyển, định mức cụ thể tùy thuộc vào điều kiện của từng địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;

b) Dùng để vận chuyển tinh đi phối giống mức tối đa đến 2,0 lít/01 con bò cái hướng sữa có chữa; đến 1,5 lít/01 bò cái hướng thịt có chữa và đến 3,0 lít/01 trâu cái có chữa.

Đối với các địa phương công tác phối giống nhân tạo cho trâu, bò còn khó khăn, căn cứ tình hình thực tế địa phương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt định mức cho phù hợp.

2. Các vật tư khác (găng tay, dẫn tinh quản hoặc ống dẫn tinh, súng bắn tinh): Phù hợp theo số liệu tinh sử dụng.

Điều 6. Kỹ thuật chăn nuôi an toàn và xử lý chất thải chăn nuôi

1. Kỹ thuật chăn nuôi an toàn

Hộ chăn nuôi thực hiện các yêu cầu về kỹ thuật chăn nuôi an toàn. Cụ thể:

a) Chuồng trại: có tường hoặc hàng rào đảm bảo ngăn không cho gia súc, gia cầm tự do ra khỏi chuồng nuôi hoặc vào nơi ở, sinh hoạt của người; có máng ăn, máng uống bằng vật liệu an toàn, dễ vệ sinh; có nơi thu gom, xử lý chất thải; ngoài ra, có các thiết bị chăn nuôi phù hợp đối tượng vật nuôi và mục đích chăn nuôi.

b) Con giống: có nguồn gốc rõ ràng; đảm bảo khỏe mạnh.

c) Chăm sóc, nuôi dưỡng và vệ sinh thú y:

Thức ăn, nước uống trong chăn nuôi đảm bảo sạch và an toàn; không sử dụng thức ăn hoặc cho vào thức ăn chăn nuôi các hóa chất, kháng sinh trong Danh mục hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Chuồng nuôi đảm bảo thông thoáng; máng ăn, máng uống và các thiết bị chăn nuôi được vệ sinh thường xuyên đảm bảo sạch sẽ.

Kết thúc mỗi đợt nuôi, thu gom toàn bộ chất thải, quét dọn, vệ sinh, làm sạch, tiêu độc toàn bộ dụng cụ, thiết bị chuồng nuôi và môi trường xung quanh; để trống chuồng tối thiểu 14 ngày đối với gia cầm và tối thiểu 7 ngày đối với lợn trước khi nuôi đàn mới.

Có biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng và chất độn chuồng đã qua sử dụng đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường.

Tuân thủ tiêm phòng định kỳ và đợt xuất cho đàn gia súc, gia cầm theo quy định của pháp luật về thú y.

d) Ghi chép sổ sách

Ghi chép hàng ngày về tiêu thụ thức ăn; thuốc thú y, vắc xin sử dụng; tình trạng sức khỏe đàn gia súc, gia cầm.